

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên công ty niêm yết: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC**

Địa chỉ: **45 Hàng Chuối, Hai Bà Trưng, Hà Nội**

Mã chứng khoán: **ECI**

Điện thoại: **04.39713947 - 04.38213786**

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Những sự kiện quan trọng:

+ Việc thành lập:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục tiền thân là Trung tâm Bản đồ giáo khoa, trực thuộc Tổng công ty Cơ sở vật chất và thiết bị - Bộ Giáo dục, được thành lập tháng 5 năm 1989 với 08 cán bộ, nhân viên, làm nhiệm vụ chủ yếu là nghiên cứu khoa học, lấy thu bù chi.

Năm 1996, Trung tâm Bản đồ giáo khoa được chuyển thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục thuộc Nhà xuất bản Giáo dục có nhiệm vụ phát triển sản xuất và cung ứng đầy đủ, đồng bộ, kịp thời bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, atlas, tập bản đồ phục vụ giáo viên và học sinh trong cả nước.

Năm 2003, Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chuyển đổi thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thuộc Công ty mẹ Nhà xuất bản Giáo dục.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần

Thực hiện Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa thành Công ty cổ phần. Từ ngày 02 tháng 01 năm 2007, Công ty đã chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục với mức vốn điều lệ là 3.400.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng).

Được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ-2007 ngày 28/03/2008, Công ty đã tiến hành tăng vốn từ 3.400.000.000 đồng lên 18.600.000.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh. Hiện tại, vốn điều lệ của Công ty là 18.600.000.000 đồng (*Mười tám tỷ sáu trăm triệu đồng chẵn*).

+ Niêm yết:

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo quyết định số 211/QĐ-TTGDHN ngày 25/5/2009 của Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán ECI. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 16/6/2009.

2. Quá trình phát triển:

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (trừ loại Nhà nước cấm);

- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (trừ loại Nhà nước cấm);

- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;

- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);

- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;

- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;

- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

+ Tình hình hoạt động:

*** Khó khăn:**

- Ảnh hưởng, dư chấn của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính (thế giới) chưa qua, thì cơn bão nợ công ập đến, đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế - xã hội ở nước ta. Chủ trương của Nhà nước, tái cấu trúc, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chính sách thắt chặt tiền tệ, điều chỉnh lãi suất ngân hàng (diễn biến chậm và nhỏ giọt), giá cả, lạm phát tăng cao, ngân sách giáo dục giành cho một số dự án bị cắt giảm.

- Tuy nhu cầu văn hoá, tinh thần và nhu cầu học tập tăng, nhưng đa số nhân dân còn nghèo, do tác động nhiều chiều, đời sống càng ngày càng khó khăn, nên sức mua không luỹ tiến theo nhu cầu.

- Cạnh tranh giữa các đơn vị cung cấp thiết bị dạy học ngày càng gay gắt, một số sản phẩm bán chạy của Công ty như Atlát, Tập bản đồ bài tập bị in lậu nên số lượng phát hành giảm.

3. Định hướng phát triển

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã có những định hướng phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu trên. Cụ thể:

*** Về sản phẩm:** Khai thác bản thảo theo kế hoạch truyền thống của Công ty: bản đồ giáo khoa, tranh ảnh giáo dục, atlát địa lý, tập bản đồ bài tập, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục...

- Tập trung xây dựng các sản phẩm bổ sung danh mục tối thiểu các cấp. Nghiên cứu, xây dựng các sản phẩm cho chương trình giáo dục mầm non.

*** Về hoạt động Marketing:**

Tiếp tục thực hiện kế hoạch tuyên truyền quảng cáo sản phẩm, phát hành tờ rơi giới thiệu sản phẩm truyền thống tới các khách hàng có nhu cầu để các sản phẩm của Công ty dần tiếp cận được với đông đảo giáo viên và học sinh trong cả nước.

*** Về thị trường:**

Củng cố vững chắc thị trường đã có. Mặt khác, trên cơ sở đó, Công ty sẽ thường xuyên quan tâm đến việc tìm kiếm và mở rộng thị trường mới.

*** Kế hoạch nhân sự và công tác bồi dưỡng:**

Công ty tăng cường xây dựng và mở rộng đội ngũ tác giả và cộng tác viên có chuyên môn và uy tín.

Nhìn chung, định hướng phát triển của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục là hoàn toàn phù hợp với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tích cực triển khai, khai thác các đề tài mới của các mảng sản phẩm truyền thống của Công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu các nhu cầu mới của ngành giáo dục, nhất là các sản phẩm ngoài danh mục tối thiểu.

II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm....)

Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn trên nhưng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ CNV dưới sự lãnh đạo linh hoạt của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc, Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 với những chỉ tiêu cụ thể như sau:

A. Công tác Biên tập - Xuất bản:

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ, Atlát, tập bản đồ	95	157	165
- Mới	4	4	100
- Tái bản	91	153	168
2. Tranh ảnh giáo dục, sách TK	86	105	122
- Mới	28	27	96
- Tái bản	58	78	134
Tổng cộng	181	262	144

Trong năm 2011, Công ty đã biên tập xuất bản được 262 đầu bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo mới đạt 144% kế hoạch năm.

B. Công tác In - Nhập kho:

Kết quả in - nhập kho

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	3.080.300	3.193.600	104
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	51.800	96.288	186
Tổng cộng	3.132.100	3.289.888	105

Trong năm 2011, Công ty đã In - Nhập kho được 3.289.888 sản phẩm bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo đạt 105 % kế hoạch năm.

C. Công tác Kế hoạch và Phát hành:

- Cung ứng kịp thời sản phẩm hàng hoá về bản đồ, tranh ảnh giáo khoa, thiết bị giáo dục, sách tham khảo theo đặt hàng của khách. Khảo sát nhu cầu thị trường nhằm tăng chủng loại và mẫu mã sản phẩm. Giao hàng đến tận trường khi đơn vị mua yêu cầu. Thực hiện tốt công tác tiếp thị, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm qua nhiều hình thức, hỗ trợ cho công tác phát hành sản phẩm tại một số tỉnh miền Bắc như: Điện Biên, Thái Bình, Thanh Hoá, Thái Nguyên...

Kết quả phát hành

Đơn vị tính: bản

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	3.089.800	3.121.680	101
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	183.226	107.954	59
3. Thiết bị giáo dục	285.461	368.013	129
Tổng cộng	3.558.487	3.597.647	101

Trong năm 2011, Công ty đã phát hành được 3.597.647 sản phẩm bản đồ, atlát, tranh ảnh giáo dục, sách tham khảo đạt 101 % kế hoạch năm.

Kết quả doanh thu theo mảng sản phẩm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Mảng sản phẩm	Kế hoạch 2011	Thực hiện 2011	Hoàn thành KH %
1. Bản đồ GK, Atlát, Tập bản đồ	27.643.168	31.121.450	112,5
2. Tranh ảnh giáo dục, sách tranh, STK	5.320.618	7.253.682	136
3. Thiết bị giáo dục	12.036.214	17.665.315	146,7
Tổng cộng	45.000.000	56.040.447	124,5

D. Một số chỉ tiêu tài chính cụ thể:

	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1	Doanh thu thuần bán hàng và CC dịch vụ	10	18	56.040.447.151	50.003.570.053
2	Giá vốn hàng bán	11	19	42.585.831.178	37.042.733.577
3	Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ	20		13.454.615.973	12.960.836.476
4	Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	248.848.905	299.090.327
5	Chi phí hoạt động tài chính	22		-	-
6	Chi phí bán hàng	24		4.502.300.881	3.981.580.771
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.458.484.934	4.405.558.307
8	Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh	30		4.742.679.063	4.872.787.725
9	Thu nhập khác	31	21	38.185.762	31.476.314
10	Chi phí khác	32	22	37.669.433	79.667.143
11	Lợi nhuận khác	40		(516.329)	(48.190.829)
12	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	4.743.195.392	4.824.596.896
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	861.567.512	1.245.120.057
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	3.881.627.880	3.579.476.839
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	2.097	1.924

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

STT	Diễn giải	Thực hiện năm 2011	KH thông qua Đại hội đồng cổ đông	Tỷ lệ %
1	Tổng doanh thu	56.327.481.818	45.000.000.000	125,17 %
2	Lợi nhuận trước thuế	4.743.195.392	4.500.000.000	105,4 %
3	Cổ tức	12%	12%	100%

- Trong năm Công ty đã vượt chỉ tiêu kế hoạch doanh thu và lợi nhuận do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...):

Trong năm 2011, Công ty luôn nỗ lực tìm kiếm thị trường phát hành mới; thông qua các Công ty Sách - TBTH và đại lý đưa sản phẩm bản đồ, tranh ảnh, thiết bị giáo dục tới học sinh trong cả nước. Công ty đã tìm kiếm đối tác liên doanh sản xuất thiết bị giáo dục tiểu học, THCS, THPT và đã khẳng định được thương hiệu là đơn vị cung ứng thiết bị giáo dục trên thị trường.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Khi thực hiện hết đổi mới chương trình giáo dục phổ thông theo Nghị quyết 40 của Quốc hội, một số công ty thiết bị giáo dục đã chuyển hướng sang đầu tư lĩnh vực

khác, không đầu tư trọng điểm vào ngành giáo dục, đây là thị trường mở cho Công ty tìm kiếm mở mang thị trường mới. Hy vọng là với việc đẩy mạnh công tác marketing, thâm nhập thị trường, sản phẩm của Công ty ngày càng tiếp cận được với đông đảo giáo viên và học sinh trong cả nước.

Công ty chuẩn bị nhân lực tiến hành làm bản đồ, tranh ảnh giáo khoa thí điểm tiến tới đại trà phục vụ đổi mới chương trình giáo dục phổ thông sau năm 2015.

Kế hoạch một số chỉ tiêu tài chính cụ thể năm 2012:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	45.000
2	Lợi nhuận trước thuế	“	4.500
3	Cổ tức	%	12%

III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Trong năm 2011, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23/5/2011 thông qua, Ban Giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định. Mặc dù tình hình kinh tế trong năm còn nhiều khó khăn do giá cả đầu vào tăng liên tục, chính sách tiền tệ thắt chặt, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV trong năm qua hoạt động sản xuất của Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục đã đạt những thành tựu đáng mừng, cụ thể:

1. Báo cáo tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2011:

- Cơ cấu tài sản:

Tài sản dài hạn/tổng số tài sản: 1,94%

Tài sản ngắn hạn/tổng số tài sản: 98,06%

- Cơ cấu nguồn vốn:

Nợ phải trả/tổng nguồn vốn: 29,44%

Nguồn vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn: 70,56%

- Khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản: 11,69%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần: 6,93%

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu: 16,57%

- Khả năng thanh toán:

Khả năng thanh toán nhanh: 2,4 lần

Khả năng thanh toán hiện hành: 3,3 lần

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:

Tổng tài sản:	33,20 tỷ
+ Tài sản ngắn hạn:	32,56 tỷ
+ Tài sản dài hạn:	0,64 tỷ
+ Nợ phải trả:	9,78 tỷ
+ Vốn chủ sở hữu:	23,42 tỷ
- Tổng số trái phiếu thường lưu hành đến 31/12/2011:	0 trái phiếu
- Tổng số cổ phiếu phổ thông lưu hành đến 31/12/2011:	1.760.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ:	100.000 cổ phiếu
- Cổ tức trả lần 1:	6% (tương đương 600 đồng/cổ phiếu)
- Cổ tức trả lần 2:	6% (tương đương 600 đồng/cổ phiếu)
- Thu nhập trên mỗi cổ phần (EPS):	2.097

2. Những chỉ số về kết quả sản xuất kinh doanh:

2.1. Tài sản và vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Tổng tài sản	27.571.691.912	30.531.764.882	33.205.184.460
Vốn chủ sở hữu	22.680.480.927	24.027.957.766	23.430.148.350

So sánh giá trị tài sản Công ty năm 2011 với năm 2009 sẽ thấy mức tăng là 1,2 lần điều này chứng tỏ quy mô của Công ty ngày càng mở rộng. Sự gia tăng tài sản của Công ty trong năm 2011 so với năm 2010 chủ yếu là do sự gia tăng của giá trị hàng tồn kho chủ yếu là bản đồ, tranh ảnh phục vụ chương trình giáo dục phổ thông.

2.2. Doanh thu và lợi nhuận:

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Doanh thu	46.004.372.741	50.003.570.053	56.040.447.151
Lợi nhuận sau thuế	3.716.574.292	3.579.476.839	3.881.627.880

Mức tăng doanh thu qua các năm là không đáng kể do tình hình khó khăn chung với kết quả đạt được năm 2011 là một cố gắng của Ban lãnh đạo cùng tập thể CBCNV Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.3. Nhóm chỉ tiêu về cơ cấu tài chính:

2.3.1. Hệ số nợ so với tài sản:

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Hệ số nợ/Tổng tài sản	17,74%	21,3%	29,4%

Mức tăng hệ số nợ qua các năm không đáng kể; năm 2011 tăng 1,38 lần so với năm 2010 do Công ty đầu tư vào sản xuất tranh ảnh theo chương trình mới.

2.3.2. Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu.

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	21,57%	27,07%	41,72%

Hệ số nợ so với vốn chủ sở hữu của Công ty cũng luôn đảm bảo được tỷ lệ hợp lý theo từng giai đoạn cụ thể.

2.4. Nhóm chỉ tiêu về khả năng thanh toán.

2.4.1. Hệ số thanh toán nhanh:

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,3	3,2	2,4

Hệ số thanh toán nhanh năm 2011 giảm so với năm 2010 do Công ty tăng quy mô hoạt động do đó tăng giá trị hàng tồn kho chủ yếu là tranh ảnh phục vụ chương trình mới.

2.4.2. Hệ số thanh toán hiện hành:

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Hệ số thanh toán hiện hành	5,37	4,5	3,3

2.5. Nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

2.5.1. Hệ số lợi nhuận ròng.

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
Hệ số LN ròng/doanh thu thuần	8,08%	7,16%	6,93%

2.5.2. Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA):

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
ROA	13,48%	11,72%	11,69%

Tỷ suất sinh lời ROA luôn được đảm bảo trong tình hình chi phí giá đầu vào nguyên vật liệu thay đổi liên tục: năm sau cao hơn năm trước; Công ty vẫn duy trì ROA ở mức cho phép là nỗ lực lớn của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và toàn thể CBCNV.

2.6. Nhóm chỉ tiêu về chỉ số cổ phiếu (EPS):

EPS cho biết nhà đầu tư được hưởng lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu họ đang nắm giữ hàng năm là bao nhiêu. Chỉ số này càng cao thì càng được đánh giá tốt vì khi đó khoản thu nhập trên mỗi cổ phiếu sẽ cao hơn.

Chỉ tiêu	2009	2010	2011
EPS	1.998	1.924	2.097

3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2012:

1. Từng bước nâng cao chất lượng công tác lập kế hoạch, báo cáo và giao kế hoạch sản xuất kinh doanh gắn liền trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của từng bộ phận và người LĐ, thực hiện khoán lương sản phẩm cho người lao động.

2. Tập trung đầu tư biên soạn mới và nâng cấp các sản phẩm vốn là thế mạnh của Công ty, có nhu cầu thị trường cần thiết, ít cạnh tranh: Tranh ảnh giáo khoa cấp tiểu học theo hướng kết hợp dạy và thực hành; Atlas, Tập bản đồ Lịch sử và Địa lí.

3. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc triển khai thực hiện các kế hoạch, đảm bảo đúng tiến độ đề ra, trong đó đặc biệt quan tâm kế hoạch biên tập, xuất bản - in để kịp thời cho kế hoạch phát hành đúng thời vụ.

4. Phát triển mối quan hệ hợp tác với các cơ quan Vụ, Viện của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Sở GD - ĐT, Công ty Sách và TBTH địa phương để tìm kiếm đề tài và phát hành sản phẩm.

5. Triển khai công tác giới thiệu, quảng cáo, tiếp thị và bán lẻ các sản phẩm thiết bị giáo dục. Từng bước chiếm lĩnh thị trường thiết bị giáo dục, trong đó tập trung phát triển thị trường thiết bị giáo dục Tiểu học.

6. Chuẩn bị đầy đủ nhân và lực thiết kế, biên tập bản đồ, tranh ảnh giáo dục phục vụ Đề án “Đổi mới chương trình và sách giáo khoa giáo dục phổ thông sau năm 2015”.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

Công ty cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục là một trong những đơn vị hàng đầu cung cấp bản đồ, tranh ảnh giáo khoa cho khắp các tỉnh, thành phố. Công ty luôn là đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo tin nhiệm giao nhiệm vụ nghiên cứu, thiết kế, xây dựng và cung cấp mẫu bản đồ - tranh ảnh phục vụ chương trình thay sách. Các sản phẩm bản đồ và tranh ảnh giáo dục của Công ty đã được đông đảo học sinh và giáo viên cả nước tin dùng. Công ty đang chuẩn bị nguồn và lực cho chương trình thay sách sau năm 2015.

IV. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		32.561.844.345	29.750.490.161
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.689.581.471	8.177.096.620
1. Tiền	111	5	2.666.112.026	5.177.096.620
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	3.023.469.445	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	7	30.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		17.704.124.824	12.557.635.035
1. Phải thu khách hàng	131		18.025.035.338	13.010.944.007
2. Trả trước cho người bán	132		13.741.951	13.498.459
3. Các khoản phải thu khác	135	8	32.225.752	61.736.189
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	9	(366.878.217)	(528.543.620)
IV. Hàng tồn kho	140		8.932.246.708	8.805.370.753
1. Hàng tồn kho	141	10	10.241.565.215	9.881.954.930
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.309.318.507)	(1.076.584.177)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		205.891.342	210.387.753
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		167.699.674	194.949.067
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	1.168.068	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	37.023.600	15.438.686
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		643.340.115	781.274.721
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		643.340.115	780.410.164
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	643.340.115	780.410.164
- Nguyên giá	222		2.919.820.528	2.880.110.811
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.276.480.413)	(2.099.700.647)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.000.000)	(35.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	864.557
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	-	864.557
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		33.205.184.460	30.531.764.882

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.775.036.110	6.503.807.116
I. Nợ ngắn hạn	310		9.736.758.265	6.471.668.628
1. Phải trả người bán	312		5.119.578.756	3.795.893.289
2. Người mua trả tiền trước	313		35.545.148	92.521.531
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	958.738.800	1.094.716.559
4. Phải trả người lao động	315		2.063.785.311	1.248.926.113
5. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.312.061.023	176.146.136
6. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		85.512.000	63.465.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		161.537.227	-
II. Nợ dài hạn	330		38.277.845	32.138.488
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		38.277.845	32.138.488
2. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.430.148.350	24.027.957.766
I. Vốn chủ sở hữu	410		23.430.148.350	24.027.957.766
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	18	18.600.000.000	18.600.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	18	(726.105.307)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	18	1.322.620.858	1.322.620.858
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	18	570.095.848	391.122.006
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	18	3.663.536.951	3.714.214.902
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		33.205.184.460	30.531.764.882

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	19	56.400.280.079	50.437.320.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	359.832.928	433.750.059
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	19	56.040.447.151	50.003.570.053
4. Giá vốn hàng bán	11	20	42.585.831.178	37.042.733.577
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		13.454.615.973	12.960.836.476
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	248.848.905	299.090.327
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		4.502.300.881	3.981.580.771
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.458.484.934	4.405.558.307
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.742.679.063	4.872.787.725
11. Thu nhập khác	31	22	38.185.762	31.476.314
12. Chi phí khác	32	23	37.669.433	79.667.143
13. Lợi nhuận khác	40		516.329	(48.190.829)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	24	4.743.195.392	4.824.596.896
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	861.567.512	1.245.120.057
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	24	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	24	3.881.627.880	3.579.476.839
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	2.097	1.924

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	56.461.343.258	50.509.297.449
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(50.423.812.373)	(42.840.111.190)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.795.122.692)	(3.871.531.986)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(800.195.526)	(1.006.713.572)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	384.424.134	483.992.487
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.435.344.390)	(1.617.870.954)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	391.292.411	1.657.062.234
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(139.666.000)	(128.884.500)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	5.200.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	251.371.801	298.091.019
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	81.705.801	174.406.519
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	(726.105.307)	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.234.408.054)	(2.229.591.946)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.960.513.361)	(2.229.591.946)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(2.487.515.149)	(398.123.193)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8.177.096.620	8.575.219.813
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.689.581.471	8.177.096.620

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Bản đồ - Tranh ảnh Giáo khoa thuộc Nhà Xuất bản Giáo dục theo Quyết định số 3286/QĐ-BGDĐT ngày 30/06/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102137109 ngày 02/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã 3 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 15/06/2011

Ngành nghề kinh doanh chính

- Biên soạn, in và phát hành bản đồ, tranh ảnh giáo dục, sách giáo dục, băng đĩa CDROM giáo dục, sách điện tử;
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị giáo dục phục vụ việc giảng dạy, học tập cho các ngành học, bậc học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học) và phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh các xuất bản phẩm được phép lưu hành (Trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất và kinh doanh thiết bị dạy nghề, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất thiết bị giáo dục;
- Thiết kế, tạo mẫu, chế bản điện tử các sản phẩm trong lĩnh vực giáo dục (Không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học phục vụ dạy và học trong nhà trường;
- Kinh doanh nguyên vật liệu, thiết bị ngành in;
- Môi giới thương mại và quảng cáo thương mại.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam, ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và đánh giá lại số dư cuối năm của khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với tất cả tài sản là thiết bị dụng cụ quản lý.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của phần mềm máy tính được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện trích khấu hao nhanh gấp hai lần đối với phần mềm máy tính.

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	1,5

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.9 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được trích lập các quỹ và chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.14 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Ngoài ra, Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2011 theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp và cá nhân.
- Thuế GTGT:
 - Đối với hoạt động bán nẹp treo bản đồ: Áp dụng thuế suất 10%
 - Đối với hoạt động sách tranh và thiết bị giáo dục: Áp dụng mức thuế suất 5%
 - Đối với hoạt động bán bản đồ, atlas, tranh ảnh giáo dục, đĩa CD-Rom: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	115.654.000	360.156.000
Tiền gửi ngân hàng	2.550.458.026	4.816.940.620
Cộng	2.666.112.026	5.177.096.620

6. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng	3.023.469.445	3.000.000.000
Cộng	3.023.469.445	3.000.000.000

7. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Cho cá nhân vay kỳ hạn 9 tháng	30.000.000	-
Cộng	30.000.000	-

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	18.189.433	20.712.329
Phải thu khác	14.036.319	41.023.860
Cộng	32.225.752	61.736.189

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	6.661.780	122.809.107
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	38.290.596	-
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	186.010.135	-
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	135.915.706	405.734.513
Cộng	366.878.217	528.543.620

10. Hàng tồn kho

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	21.577.013	180.572.168
Nguyên liệu, vật liệu	28.543.253	57.800.431
Chi phí SX, KD dở dang	3.818.074	74.973.595
Thành phẩm	7.674.992.671	7.401.313.768
Hàng hóa	2.512.634.204	2.167.294.968
Cộng	10.241.565.215	9.881.954.930

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân tạm nộp	1.168.068	-
Cộng	1.168.068	-

12. Tài sản ngắn hạn khác

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	230.659.472	299.090.327
Lãi dự thu	41.658.878	
Cộng	272.318.350	299.090.327

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.503.748	1.263.270.428	1.274.336.635	2.880.110.811
Mua sắm trong năm	-	-	126.969.091	126.969.091
Giảm trong năm	-	-	87.259.374	87.259.374
Số cuối năm	342.503.748	1.263.270.428	1.314.046.352	2.919.820.528
Khấu hao				
Số đầu năm	342.503.748	555.306.275	1.201.890.624	2.099.700.647
Khấu hao trong năm	-	154.464.900	109.574.240	264.039.140
Giảm trong năm	-	-	87.259.374	87.259.374
Số cuối năm	342.503.748	709.771.175	1.224.205.490	2.276.480.413
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	707.964.153	72.446.011	780.410.164
Số cuối năm	-	553.499.253	89.840.862	643.340.115

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011: 1.864.222.746 đồng.

Nguyên giá tài sản cố định không cần sử dụng cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31/12/2011: 415.951.562 đồng.

Không có tài sản cố định mang cầm cố thế chấp tại ngày 31/12/2011

14. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm Kế toán VND	Phần mềm phát hành VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Khấu hao			
Số đầu năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.000.000	20.000.000	35.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tem chống in lậu	-	864.557
Cộng	-	864.557

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	861.567.512	800.195.526
Thuế thu nhập cá nhân	97.171.288	294.521.033
Cộng	958.738.800	1.094.716.559

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	79.337.977	44.138.082
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.232.723.046	132.008.054
- <i>Thù lao HĐQT & BKS</i>	<i>118.300.000</i>	<i>129.600.000</i>
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>1.056.000.000</i>	<i>2.408.054</i>
- <i>Thuế thu nhập cá nhân thu thừa</i>	<i>30.847.728</i>	-
- <i>Phải trả khác</i>	<i>27.575.318</i>	-
Cộng	1.312.061.023	176.146.136

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	18.600.000.000	-	977.805.013	391.122.006	2.711.553.908
Tăng trong năm	-	-	344.815.845	-	3.579.476.839
Giảm trong năm	-	-	-	-	2.576.815.845
Số dư tại 31/12/2010	18.600.000.000	-	1.322.620.858	391.122.006	3.714.214.902
Số dư tại 01/01/2011	18.600.000.000	-	1.322.620.858	391.122.006	3.714.214.902
Tăng trong năm	-	(726.105.307)	-	178.973.842	3.881.627.880
Giảm trong năm	-	-	-	-	3.932.305.831
Số dư tại 31/12/2011	18.600.000.000	(726.105.307)	1.322.620.858	570.095.848	3.663.536.951

b. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.860.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại		
- Cổ phiếu thường	100.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.760.000	1.860.000
- Cổ phiếu thường	1.760.000	1.860.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	3.714.214.902	2.711.553.908
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.881.627.880	3.579.476.839
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế	3.932.305.831	2.576.815.845
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm trước	2.876.305.831	2.576.815.845
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	344.815.845
- Trích quỹ dự phòng tài chính	178.973.842	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	465.331.989	-
- Chia cổ tức	2.232.000.000	2.232.000.000
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế năm nay	1.056.000.000	-
- Cổ tức đã chốt quyền chia ngày 28/12/2011	1.056.000.000	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	3.663.536.951	3.714.214.902

19. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	56.400.280.079	50.437.320.112
+ Doanh thu bán sách tham khảo	156.476.538	316.914.493
+ Doanh thu bán đồ tranh ảnh giáo dục	38.551.246.794	36.055.493.933
+ Doanh thu phim, băng đĩa	279.391.610	477.402.960
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	16.917.482.348	13.525.917.703
+ Doanh thu khác	495.682.789	61.591.023
Các khoản giảm trừ doanh thu	359.832.928	433.750.059
+ Chiết khấu thương mại	212.549.118	173.497.665
+ Giảm giá hàng bán	-	948.600
+ Hàng bán bị trả lại	147.283.810	259.303.794
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.040.447.151	50.003.570.053

20. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sách tham khảo	146.346.473	172.442.504
Giá vốn bán đồ, tranh ảnh giáo dục	27.297.427.501	24.632.538.719
Giá vốn phim, băng, đĩa	200.800.803	296.821.209
Giá vốn thiết bị giáo dục	14.850.452.493	11.879.397.024
Giá vốn hoạt động khác	90.803.908	61.534.121
Cộng	42.585.831.178	37.042.733.577

21. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	248.848.905	299.090.327
Cộng	248.848.905	299.090.327

22. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vật tư, hàng hóa thừa sau kiểm kê	37.980.082	25.894.054
Hàng lưu chiều nhập lại vào kho	-	4.980.828
Các khoản thu nhập khác	205.680	601.432
Cộng	38.185.762	31.476.314

23. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị hàng hóa thiệt hại do thiên tai	-	55.280.550
Chênh lệch công nợ	-	4.651.690
Xử lý hàng thiếu	36.486.418	19.384.903
Các khoản chi phí khác (án phí, phạt thuế)	1.183.015	350.000
Cộng	37.669.433	79.667.143

24. Chi phí thuế TNDN hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.743.195.392	4.824.596.896
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	73.398.000	155.883.333
Điều chỉnh tăng	73.398.000	155.883.333
- Chi phí không hợp lệ	16.998.000	-
- Thù lao HĐQT & BKS	56.400.000	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	4.816.593.392	4.980.480.229
Trong đó thu nhập từ hoạt động tài chính	248.848.905	299.090.327
Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	1.204.148.348	1.245.120.057
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30% (*)	342.580.836	-
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	861.567.512	1.245.120.057
Lợi nhuận sau thuế TNDN	3.881.627.880	3.579.476.839

(*) Thuế TNDN năm 2011 được giảm 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 8 năm 2011 của Quốc hội

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.881.627.880	3.579.476.839
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.881.627.880	3.579.476.839
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.851.173	1.860.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.097	1.924

26. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.958.354.598	22.481.068.397
Chi phí nhân công	4.709.183.330	3.230.538.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.039.140	288.874.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.734.875.159	2.584.433.538
Chi phí khác bằng tiền	2.044.852.941	2.939.928.721
Cộng	30.711.305.168	31.524.843.866

27. Báo cáo bộ phận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng Miền Bắc	33.676.180.163	28.784.343.322
Doanh thu bán hàng Miền Trung	5.849.338.960	7.424.848.948
Doanh thu bán hàng Miền Nam	16.514.928.028	13.794.377.783
Cộng	56.040.447.151	50.003.570.053

28. Các bên liên quan

a. Thông tin các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Chung Công ty đầu tư
Công ty CP Sách và thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung Công ty đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Mua hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Mua tem chống in lậu	72.280.000	136.766.000
Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục	Mua đĩa các loại	192.450.000	546.863.600
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Mua thiết bị giáo dục	5.264.804.648	5.511.086.009
Công ty Cổ phần In SGK tại Hà Nội	In tranh ảnh, bản đồ	3.150.023.213	3.401.253.350
Bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	66.808.272	192.500.000
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	3.722.656.896	3.992.052.680
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	4.526.977.376	3.676.215.160
Công ty CP Học liệu	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	3.042.127.228	3.386.306.448
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	232.900.100	287.736.300
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Bán bản đồ, tranh ảnh, STK	1.493.930.560	1.252.883.360

c. Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan tại ngày 31/12/2011

Công ty liên quan	Nội dung	Nợ phải trả VND	Nợ phải thu VND
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Việt Nam	Phải thu tiền hàng	-	73.750.952
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Phải thu tiền hàng	-	600.234.320
Công ty CP Sách giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Phải thu tiền hàng	-	1.435.012.067
Công ty CP Học liệu	Phải thu tiền hàng	-	1.697.234.615
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Phải thu tiền hàng	-	892.980
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Phải trả tiền hàng	1.254.310.073	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Phải trả tiền hàng	287.154.260	-
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Phải trả tiền hàng	34.463.500	-

29. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên ngày 23/05/2011 đã quyết định cổ tức năm 2010 là 12%/Vốn điều lệ. Theo đó, Công ty đã trả toàn bộ cổ tức của năm 2010 trong 6 tháng đầu năm 2011, số tiền: 2.232.000.000 đồng.

Công ty đã công bố chốt danh sách cổ đông hưởng cổ tức đợt 1 năm 2011 vào ngày 28/12/2011. Tỷ lệ cổ tức là 6%/vốn điều lệ. Ngày chi trả cổ tức là 16/01/2012

30. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

31. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC
- Ý kiến kiểm toán độc lập:



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dnng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 173/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 01 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 02/01/2012 của Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 22. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

KT. Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Hiếu
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0391/KTV

Trần Thị Nở
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

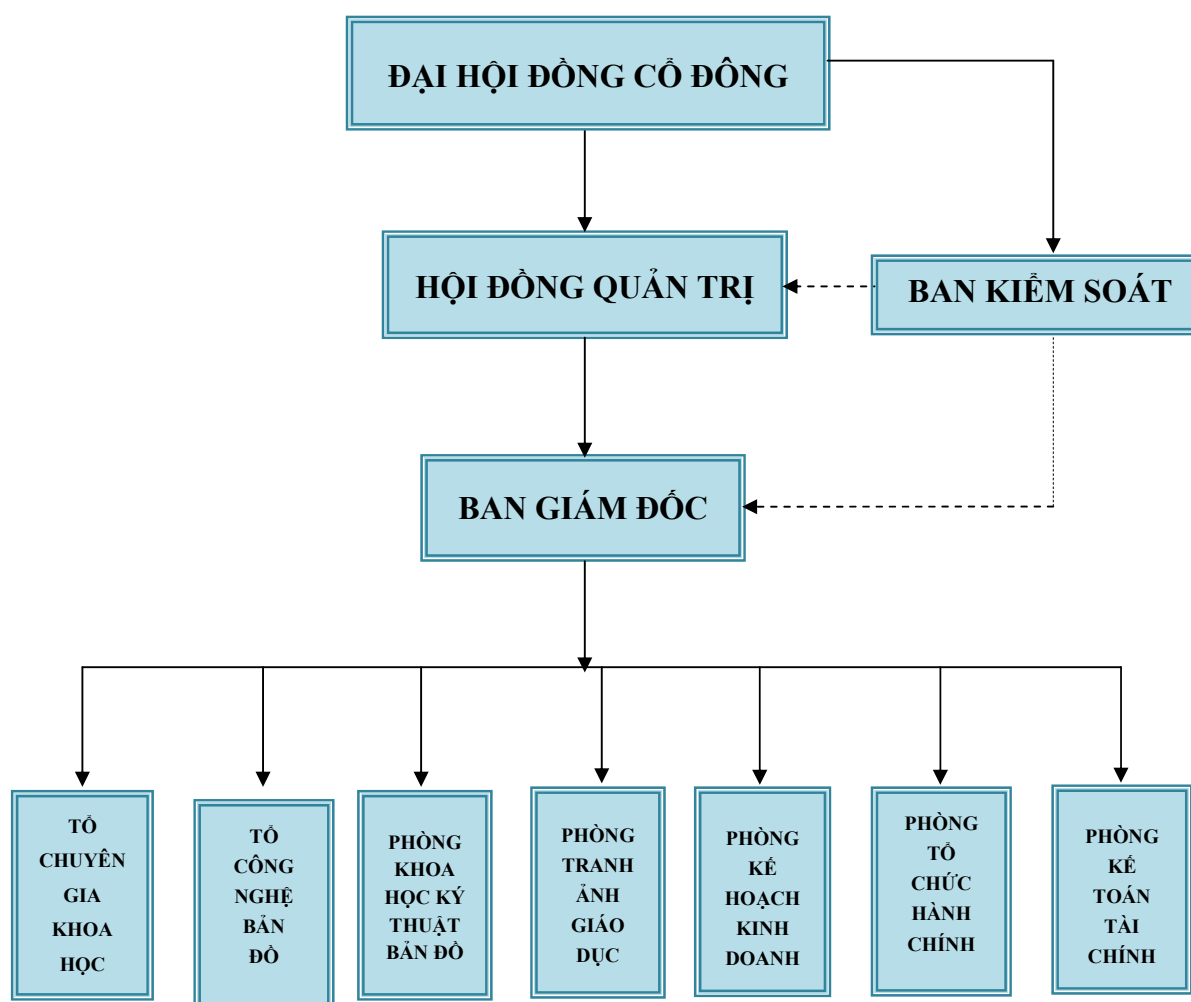
VI. Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: không
- Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan: không

VII. Tổ chức và nhân sự

7.1 Cơ cấu tổ chức của công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN BẢN ĐỒ VÀ TRANH ẢNH GIÁO DỤC



Ghi chú: → : Quản lý, điều hành trực tiếp
 ---> : Giám sát hoạt động

7.2 Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành:

Ngày sinh 15/8/1964 – Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật bản đồ

Quá trình công tác:

- Từ 9/1988-12/1996: Biên tập viên Phòng KH-KT thuộc Trung tâm Bản đồ giáo khoa;

- Từ 1/1997-12/1997: Phó trưởng Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Từ 1/1998-2/2003: Phó Giám đốc Trung tâm Bản đồ sau chuyển thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

- Từ 3/2003-5/2003: Phó Giám đốc phụ trách Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

- Từ 6/2003-1/2004: Quyền Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

- Từ 2/2004-12/2006: Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

- Từ 1/2007 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

2. Ông Lê Phú - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc:

Ngày sinh 25/2/1957 - Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư

Quá trình công tác:

- Từ 10/1987-6/1989: Nhân viên Trung tâm Bản đồ giáo khoa – Khoa Địa lý - Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Từ 07/1989-4/1995: Biên tập viên Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa thuộc Tổng công ty cơ sở vật chất và thiết bị trường học - Bộ Giáo dục;

- Từ 5/1995-10/1996: Phó trưởng Phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa sau chuyển thành Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Tháng 11/1996-5/2003: Trưởng phòng KH-KT Trung tâm Bản đồ giáo khoa sau chuyển thành Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

- Tháng 6/2003-12/2006: Phó Giám đốc Công ty Bản đồ - Tranh ảnh giáo khoa;

- Từ 1/2007 – nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục.

3. Bà Đặng Thị Như - Ủy viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng:

Ngày sinh 13/8/1977 – Nơi sinh: Hà Nội

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 10/1999-11/2008: kế toán viên Trung tâm Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục sau chuyển thành Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Từ 1/12/2008-31/12/2008: Phó trưởng phòng KT-TC Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Từ 1/1/2009 – 7/2/2010: Phụ trách Kế toán Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

- Từ 8/2/2010 – nay: Kế toán trưởng Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục;

7.3 Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: không

7.4 Quyền lợi của Ban Giám đốc: Tiền lương của Ban Giám đốc theo hệ số bậc 1, doanh nghiệp hạng II.

7.5 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động: 44 người; trong năm 2011, Công ty thực hiện đúng theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.

7.6 Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 bầu lại Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 – 2015.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát (nêu rõ số thành viên độc lập không điều hành)

+ Thành viên và cơ cấu HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Loan	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	
2	Trần Ngọc Bê	Phó chủ tịch HĐQT	T/v độc lập không điều hành
3	Lê Phú	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	
4	Phan Trung Phương	Ủy viên HĐQT	T/v độc lập không điều hành
5	Đặng Thị Như	Ủy viên HĐQT kiêm KTT	

+ Thành viên Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Phạm Văn Hải	Trưởng Ban KS	
2	Nguyễn Thị Giáng Hương	Ủy viên Ban KS	
3	Nguyễn Mạnh Hùng	Ủy viên Ban KS	T/v độc lập không điều hành

- **Hoạt động của HĐQT:** Trong năm 2011, Hội đồng quản trị họp 06 lần ra nghị quyết về các vấn đề cơ bản cần triển khai để hoàn thành kế hoạch sản xuất - kinh doanh. HĐQT đề ra phương hướng, nhiệm vụ, các nội dung công việc để Ban Giám đốc và các Phòng, Ban chức năng tiến hành cụ thể. Hội đồng Quản trị có quyết sách về những vấn đề sau:

+ Quyết định, phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh

+ Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

+ Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức.

- Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành: tham gia đầy đủ các buổi họp HĐQT và biểu quyết về các vấn đề cần thông qua.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (ví dụ tiểu ban lương thưởng, tiểu ban đầu tư và tiểu ban nhân sự...): không có.

- **Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:**

+ Tham gia vào công tác kiểm kê hàng tháng, hàng quý, cuối năm;

+ Tham gia vào kiểm tra kiểm soát hoạt động của Công ty cùng với Đoàn kiểm tra của NXBGDVN và Đoàn kiểm toán độc lập.

+ Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán;

+ Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

+ Kiểm tra báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

+ Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban Quản lý Công ty.

- Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát: 4% lợi nhuận trước thuế (188.000.000 đồng). Trong năm tài chính 2011, Công ty thanh toán phụ cấp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát lần 1 cho 6 tháng đầu năm là 69.700.000 đồng vào T9/2011; phụ cấp 6 tháng cuối năm 2011 là 118.300.000 đồng năm 2012 Công ty thanh toán.

Mức phụ cấp HĐQT 6 tháng đầu năm 2011 cụ thể như sau:

STT	Chức vụ	ĐVT	Mức PC 1 tháng
1	Chủ tịch HĐQT	đồng/tháng	3.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT	“	2.500.000
3	Ủy viên HĐQT	“	1.500.000
4	Trưởng ban Kiểm soát	“	1.000.000
5	Thành viên BKS	“	700.000

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Loan	Chủ tịch HĐQT Giám đốc	2.000	0,107%	Ko g/dịch
2	Ông Trần Ngọc Bê	Phó chủ tịch HĐQT	87.100	4,68%	Ko g/dịch
3	Lê Phú	Ủy viên HĐQT Phó Giám đốc	4.100	0,22%	Ko g/dịch
4	Đặng Thị Như	Ủy viên HĐQT Kế toán trưởng	4.200	0,225%	Ko g/dịch
5	Phan Trung Phương	Ủy viên HĐQT	0		

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không

- Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết với công ty của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: không

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước:

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên; Địa chỉ liên lạc; Ngành nghề kinh doanh; số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty:

*** Cơ cấu cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng: 28/12/2011**

- Cổ đông trong nước

+ Cá nhân: 156 người	tương ứng	1.292.826 cổ phiếu
+ Tổ chức: 9 tổ chức	tương ứng	519.374 cổ phiếu

*** Cổ đông lớn:**

1. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: 390.700 cổ phần chiếm 21,005% vốn điều lệ.

- Địa chỉ liên lạc: 81 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Ngành nghề kinh doanh: Xuất bản, in, phát hành sách giáo khoa cho các cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.2. Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài

- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn theo nội dung: Tên, năm sinh (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân); Địa chỉ liên lạc; Nghề nghiệp (cổ đông/thành viên góp vốn cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông/thành viên góp vốn tổ chức); số lượng và tỷ lệ cổ phần sở hữu/vốn góp trong công ty; những biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp.

*** Cơ cấu cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng: 28/12/2011**

- Cổ đông nước ngoài

+ Cá nhân: 1 người	tương ứng	100 cổ phiếu
+ Tổ chức: 1 tổ chức	tương ứng	47.700 cổ phiếu

Hà Nội, ngày 25 tháng 3 năm 2012
TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hồng Loan

